

Số: /2026/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và hỗ trợ học phí đối với người học theo học các ngành, nghề trọng điểm trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 21/7/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065;

Căn cứ Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 322/2026/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế khuyến khích, hỗ trợ khác cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý cơ sở đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực, ngành trọng điểm; hỗ trợ học phí đối với người học theo học các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới; Báo cáo thẩm tra số .../BC-VHXX ngày ... tháng năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai; Báo cáo giải trình, tiếp thu số .../BC-UBND ngày ... tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Nghị quyết Quy định chính sách chính sách khuyến khích, hỗ trợ học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và

hỗ trợ học phí đối với người học theo học các ngành, nghề trọng điểm trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý cơ sở đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực, ngành trọng điểm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Luật Phát triển đô thị;

2. Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ học phí đối với người học theo học các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 38 Luật Phát triển đô thị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này, gồm:

a) Người học là công dân Việt Nam đang thường trú và học tập tại cơ sở giáo dục trực thuộc thành phố Đồng Nai, được tuyển chọn hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định tham gia chương trình học tập, nghiên cứu trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực, ngành trọng điểm;

b) Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục là công dân Việt Nam đang công tác tại cơ sở giáo dục trực thuộc thành phố Đồng Nai, được cơ quan có thẩm quyền cử đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực, ngành trọng điểm.

2. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này, gồm:

a) Người học là công dân Việt Nam đang thường trú và học tập tại cơ sở giáo dục trực thuộc thành phố Đồng Nai, đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương tham gia học các ngành, nghề trọng điểm; ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới đối với trình độ trung cấp, cao đẳng tại các trường trung cấp, cao đẳng trên địa bàn thành phố;

b) Người học là công dân Việt Nam đang thường trú và học tập tại cơ sở giáo dục trực thuộc thành phố Đồng Nai, đã tốt nghiệp trình độ trung cấp học liên thông trình độ cao đẳng đối với các ngành, nghề trọng điểm; ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới tại các trường cao đẳng trên địa bàn thành phố.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Đối tượng áp dụng tại Nghị quyết này chỉ được hưởng các chính sách hỗ trợ một lần, mức cao nhất quy định trong cùng một thời điểm và không trùng lặp với các chính sách quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác.

2. Việc thực hiện chính sách đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch và thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện.

3. Không được điều chuyển phần mức hỗ trợ chưa sử dụng hết của nội dung chi này sang nội dung chi khác; không được sử dụng phần mức hỗ trợ chưa sử dụng hết của nhóm chi học phí, lệ phí đào tạo và các khoản liên quan đến học phí để thanh toán cho nhóm chi phí khác ngoài học phí; không được sử dụng phần mức hỗ trợ chưa sử dụng hết của nhóm chi phí khác ngoài học phí để thanh toán cho nhóm chi học phí, lệ phí đào tạo và các khoản liên quan đến học phí.

4. Không hỗ trợ đối với nội dung đã được ngân sách nhà nước, cơ sở giáo dục nước ngoài, tổ chức, cá nhân, chương trình học bổng, viện trợ, tài trợ hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác chi trả.

5. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về kho bạc nhà nước, pháp luật về đào tạo người học Việt Nam ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương II

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU, THỈNH GIẢNG CHO NGƯỜI HỌC, NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC, CÁN BỘ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC THUỘC CÁC LĨNH VỰC, NGÀNH TRỌNG ĐIỂM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Mục 1. HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

Điều 4. Điều kiện, tiêu chuẩn hỗ trợ

Người học được xét hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn sau đây:

1. Là công dân Việt Nam; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt, đang bị áp dụng biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Người học được cơ sở đào tạo công nhận là nghiên cứu sinh hoặc có thông báo nhập học thạc sĩ kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

3. Theo học chương trình đào tạo tiến sĩ và tương đương, thạc sĩ và tương đương, tập trung toàn thời gian, có chuyên ngành đào tạo và nội dung nghiên cứu thuộc các lĩnh vực, ngành trọng điểm trên cơ sở kết quả xét chọn của Hội đồng tuyển chọn.

Điều 5. Nội dung và định mức hỗ trợ

Người học được cử đi đào tạo sau đại học trong nước theo chỉ tiêu kế hoạch do cấp có thẩm quyền giao được hỗ trợ kinh phí để chi trả cho các chi phí như sau:

1. Hỗ trợ học phí: Chi trả toàn bộ học phí theo thời gian đào tạo chuẩn của trình độ thạc sĩ, tiến sĩ theo quy định đối với người học trình độ thạc sĩ và tương

đương, tiến sĩ và tương đương. Chi trả 50% số kinh phí được hỗ trợ khi người học có thông báo nhập học, số kinh phí hỗ trợ còn lại được chi trả khi người học có quyết định công nhận tốt nghiệp hoặc quyết định công nhận học vị.

2. Hỗ trợ định kỳ: Bằng mức lương tối thiểu vùng I/người/tháng. Trường hợp người học hoàn thành chương trình đào tạo (có quyết định công nhận tốt nghiệp hoặc quyết định công nhận học vị) sớm hơn so với thời gian đào tạo quy định được hỗ trợ thêm bằng 03 lần mức lương tối thiểu vùng I/người/tháng tính theo số tháng hoàn thành sớm.

3. Hỗ trợ chi phí tham dự hội nghị, hội thảo khoa học không quá 02 lần/năm

a) Hỗ trợ khoán bằng 02 lần mức lương tối thiểu vùng I/tháng cho 01 lần tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong nước nếu người học là tác giả chính (tác giả đầu tiên hoặc tác giả liên hệ) của báo cáo đăng trong kỷ yếu hội nghị, hội thảo được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính điểm;

b) Hỗ trợ khoán bằng 06 lần mức lương tối thiểu tháng vùng I cho 01 lần tham dự hội nghị, hội thảo khoa học ở nước ngoài nếu người học là tác giả chính của báo cáo phục vụ các ngành, nghề trọng điểm của thành phố đăng trong kỷ yếu hội nghị, hội thảo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus hoặc Web of Science hoặc danh mục xếp hạng hội nghị khoa học trong lĩnh vực khoa học máy tính (ICORE).

4. Hỗ trợ công bố quốc tế

a) Hỗ trợ bằng 10 lần mức lương tối thiểu tháng vùng I cho 01 công trình khoa học phục vụ các ngành, nghề trọng điểm của thành phố nếu người học là tác giả chính được đăng trên tạp chí khoa học hạng Q2 thuộc cơ sở dữ liệu Web of Science hoặc được đăng trong kỷ yếu hội thảo xếp hạng A thuộc danh mục xếp hạng hội nghị khoa học trong lĩnh vực khoa học máy tính (ICORE);

b) Hỗ trợ bằng 15 lần mức lương tối thiểu vùng I/tháng cho 01 công trình khoa học phục vụ các ngành, nghề trọng điểm của thành phố nếu người học là tác giả chính được đăng trên tạp chí khoa học hạng Q1 thuộc cơ sở dữ liệu Web of Science, hoặc được đăng trong kỷ yếu hội thảo xếp hạng A* thuộc danh mục xếp hạng hội nghị khoa học trong lĩnh vực khoa học máy tính (ICORE).

Điều 6. Phương thức hỗ trợ người học

1. Việc hỗ trợ thực hiện thông qua Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cử đi học theo phân cấp quản lý.

2. Việc cấp kinh phí hỗ trợ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ phải phù hợp với tiến độ đào tạo, kết quả học tập, nghiên cứu của người học.

Điều 7. Quyền lợi, nghĩa vụ của người học

1. Quyền lợi của người học

a) Được nhận các khoản hỗ trợ quy định tại Điều 5 Nghị quyết này khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn tại Điều 4 Nghị quyết này;

b) Người học được phép điều chỉnh đề tài và nội dung nghiên cứu trong quá trình đào tạo để phù hợp với thực tiễn khách quan hoặc chuyển ngành đào tạo

nhưng phải thuộc các lĩnh vực, ngành trọng điểm để được tiếp tục nhận hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Nghĩa vụ của người học

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu và các nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ;

b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu phục vụ việc tuyển chọn, đánh giá của Hội đồng tuyển chọn, đánh giá và việc kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Tuân thủ quy định và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian học tập, nghiên cứu; báo cáo kết quả học tập và nghiên cứu định kỳ theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố;

d) Hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo;

đ) Báo cáo với cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ đối với trường hợp chấm dứt hỗ trợ hoặc bồi hoàn kinh phí hỗ trợ;

e) Tham gia mạng lưới chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố Đồng Nai sau khi hoàn thành chương trình đào tạo; tham gia tư vấn, phản biện, cung cấp luận cứ khoa học hỗ trợ chuyên môn đối với chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nhiệm vụ chiến lược của thành phố khi được cơ quan có thẩm quyền mời hoặc giao nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn.

Điều 8. Bồi hoàn chi phí đào tạo

1. Bồi hoàn toàn bộ kinh phí

Người học buộc phải đền bù chi phí đã được hỗ trợ nếu không tốt nghiệp theo đúng thời gian học tập, nghiên cứu do cơ sở đào tạo quyết định hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tự ý bỏ học, bỏ việc trong thời gian đào tạo;

b) Bị áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc theo quy định;

c) Không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp;

d) Đã hoàn thành khóa đào tạo và được cấp văn bằng tốt nghiệp nhưng bỏ việc, bị áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc khi chưa phục vụ đủ thời gian bằng 02 lần thời gian đào tạo.

đ) Người học thuộc trường hợp: vi phạm pháp luật khi đang trong thời gian đào tạo; tự ý bỏ học hoặc bị cơ sở đào tạo buộc thôi học do vi phạm quy định của cơ sở đào tạo trong quá trình học tập, nghiên cứu; có hành vi gian lận khi nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ hoặc trong quá trình xét hỗ trợ;

e) Người học bị cơ sở đào tạo thu hồi bằng tiến sĩ do vi phạm liêm chính học thuật và các lý do khác;

2. Trường hợp người học không hoàn thành nghĩa vụ học tập, nghiên cứu và công tác theo quy định vì lý do bất khả kháng (chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, tai nạn nghiêm trọng ảnh hưởng từ 80% sức khỏe trở lên, bệnh hiểm nghèo) có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan cử người học đi đào tạo xem xét, quyết định miễn đền bù cho người học

3. Trường hợp người học phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tham dự hội nghị, hội thảo khoa học:

- a) Gian lận hồ sơ để được hưởng hỗ trợ kinh phí tham dự hội nghị, hội thảo;
- b) Công bố của người học bị rút khỏi kỷ yếu hội nghị, hội thảo.

4. Trường hợp người học phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ công bố quốc tế:

- a) Gian lận hồ sơ để được hưởng hỗ trợ công bố quốc tế;
- b) Công bố quốc tế đã được nhận hỗ trợ bị rút khỏi tạp chí, kỷ yếu hội nghị, hội thảo.

2. Cách tính chi phí bồi hoàn

Đối với trường hợp thuộc điểm a, b, c khoản 1 Điều này, người học phải đền bù 100% số tiền đã được hỗ trợ.

Đối với trường hợp thuộc điểm d khoản 1 Điều này, số tiền đền bù được tính theo công thức sau:

$$S = (F / T1) \times (T1 - T2)$$

Trong đó:

- S là chi phí bồi hoàn;
- F là khoản học phí được nhà nước hỗ trợ;
- T1 là thời gian làm việc theo cam kết;
- T2 là thời gian đã phục vụ sau đào tạo.

Mục 2. HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU NƯỚC NGOÀI

Tiểu mục 1. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC

Điều 9. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người học

1. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời gian bị xem xét kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị áp dụng biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Có đủ sức khỏe, năng lực học tập, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục, đào tạo ở nước ngoài.

3. Có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng quy định của chương trình đào tạo và các điều kiện khác có liên quan của cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài.

4. Có thư mời, thư tiếp nhận, thông báo trúng tuyển của cơ sở giáo dục, đào tạo ở nước ngoài.

5. Được cơ sở giáo dục thuộc thành phố Đồng Nai, nơi người học đang học tập hoặc công tác trực tiếp đồng ý cử đi học tập.

6. Cam kết hoàn thành chương trình đào tạo và trở về nước công tác; nếu không hoàn thành chương trình hoặc tự bỏ học, bị buộc thôi học hoặc sau khi tốt nghiệp không trở về nước, không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người được hưởng chính sách phải bồi hoàn kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Chỉ được đăng ký 01 ngành học và không được tự ý thay đổi nguyện vọng sau khi đã đăng ký dự tuyển, trúng tuyển đi học tại cơ sở giáo dục, đào tạo ở nước ngoài.

8. Không xét tuyển đối tượng thuộc các trường hợp sau:

a) Đã từng được các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục thuộc, trực thuộc thành phố Đồng Nai cử đi học ở nước ngoài nhưng không hoàn thành hoặc không thực hiện việc báo cáo hoàn thành chương trình học tập theo quy định;

b) Đã được cấp học bổng đi học tập ở nước ngoài, hiện có các ràng buộc về nghĩa vụ, trách nhiệm hoặc thuộc diện đền bù kinh phí;

c) Đã được tuyển chọn đi học tập ở nước ngoài nhưng không tham gia vì lý do cá nhân.

Điều 10. Nội dung cấp học bổng và mức học bổng

1. Nội dung cấp học bổng

a) Học phí, lệ phí đào tạo và các khoản liên quan đến học phí phải trả cho cơ sở giáo dục ở nước ngoài;

b) Sinh hoạt phí;

c) Chi phí đi lại từ Việt Nam đến nơi học tập, nghiên cứu và ngược lại;

d) Chi phí bảo hiểm y tế bắt buộc;

đ) Chi lệ phí thi thực, cấp hộ chiếu và các khoản chi phí bắt buộc khác phát sinh trực tiếp theo yêu cầu của cơ sở giáo dục, đào tạo ở nước ngoài hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại phục vụ việc học tập, nghiên cứu.

2. Học bổng đối với học sinh, sinh viên được hỗ trợ bao gồm:

a) Học phí, lệ phí đào tạo và các khoản liên quan đến học phí được thanh toán theo chi phí thực tế, tối đa không vượt quá các mức sau:

Chương trình đào tạo trình độ đại học: 100 lần mức lương tối thiểu vùng I/người/năm học;

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ: 150 lần mức lương tối thiểu vùng I/người/năm học;

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ: 200 lần mức lương tối thiểu tháng vùng I/người/năm học;

b) Sinh hoạt phí: 80 lần mức lương tối thiểu vùng I/người/năm học;

c) Chi phí đi lại: 12 lần mức lương tối thiểu vùng I/người/khóa học;

d) Chi phí bảo hiểm y tế bắt buộc: theo thông báo hoặc hóa đơn Bảo hiểm y tế bắt buộc của cơ sở đào tạo nơi người học được cử đi đào tạo và không vượt mức Bảo hiểm y tế tối thiểu áp dụng chung cho lưu học sinh nước ngoài ở nước sở tại;

đ) Chi lệ phí thi thực, cấp hộ chiếu và các chi phí bắt buộc khác liên quan trực tiếp đến việc học tập, nghiên cứu ở nước ngoài: 05 lần mức lương tối thiểu vùng I/người/năm học.

3. Thời gian cấp học bổng

a) Không quá 48 tháng đối với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ;

b) Không quá 24 tháng đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

c) Không quá 48 tháng đối với chương trình đào tạo trình độ đại học;

d) Trường hợp khác: thực tế theo quy định của cơ sở giáo dục ở nước ngoài về khung chương trình đào tạo nhưng tối đa không quá 72 tháng.

Điều 11. Nguyên tắc thực hiện chính sách cấp học bổng

1. Việc cấp học bổng chỉ thực hiện trong phạm vi đối tượng, nội dung, mức học bổng, thời gian tối đa và dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao hàng năm.

2. Việc lựa chọn đối tượng, số lượng người học hàng năm được thực hiện theo nguyên tắc cạnh tranh, công khai, minh bạch.

3. Không thanh toán đối với các khoản chi không đáp ứng đủ điều kiện về hồ sơ thanh toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp học sinh, sinh viên đã được cơ sở giáo dục, đào tạo ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân, chương trình học bổng, viện trợ, tài trợ hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác hỗ trợ một phần kinh phí thì chỉ chi trả phần kinh phí còn thiếu của từng nội dung chi, nhưng không vượt quá mức tối đa tương ứng quy định tại Điều 20 Nghị quyết này.

Điều 12. Phương thức cấp học bổng

1. Việc cấp học bổng được thực hiện theo tiến độ học tập, nghiên cứu của người được hưởng chính sách.

2. Việc cấp học bổng bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật.

3. Trường hợp phát sinh yếu tố khách quan hoặc bất khả kháng ảnh hưởng đến việc cấp kinh phí, cơ quan có thẩm quyền cử đi học xem xét, quyết định phương thức và thời điểm cấp kinh phí phù hợp.

Điều 13. Hồ sơ dự tuyển và trình tự thực hiện

1. Hồ sơ dự tuyển gồm

a) Đơn đăng ký tham gia dự tuyển; đồng thời cam kết thực hiện quyền và

nghĩa vụ, trách nhiệm của người được hưởng chính sách theo quy định;

b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

c) Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ theo quy định;

đ) Giấy khám sức khỏe theo quy định;

g) Các giấy tờ khác theo yêu cầu của cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài (nếu có).

h) Thông báo trúng tuyển của cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài.

2. Trình tự thực hiện

a) Cơ quan có thẩm quyền đăng tải thông báo tuyển chọn và tiếp nhận hồ sơ trên Cổng Thông tin điện tử thành phố;

b) Ứng viên dự tuyển nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan quản lý;

c) Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Hội đồng tuyển chọn; thành phần có đại diện bao gồm các cơ quan chuyên môn, cơ sở giáo dục, đào tạo, chuyên gia độc lập, bảo đảm nguyên tắc minh bạch, khách quan, không xung đột lợi ích;

d) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ dự tuyển, Hội đồng tuyển chọn thực hiện sơ tuyển các điều kiện; chấm điểm; phỏng vấn và thông báo kết quả tuyển chọn cho ứng viên, thông báo kết quả trên Cổng Thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện xét tuyển;

đ) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả tuyển chọn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định cử người học đi học tập, nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài; giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố thực hiện cấp kinh phí cho đối tượng được hưởng chính sách theo quy định.

Điều 14. Nội dung chi, mức chi Hội đồng tuyển chọn

1. Chi thù lao Hội đồng họp, nhận xét đánh giá

a) Chủ tịch Hội đồng: 4.000.000 đồng/người/buổi;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên (ủy viên) Hội đồng: 2.000.000 đồng/người/buổi;

c) Thư ký: 1.000.000 đồng/người/buổi;

d) Thành viên: 200.000 đồng/người/buổi;

2. Chi phụ cấp tiền ăn của thành viên Hội đồng, chuyên gia và đại biểu tham dự (trong trường hợp làm việc cả ngày): 200.000 đồng/ người/ngày.

3. Chi thanh toán tiền phương tiện đi lại của thành viên Hội đồng: Áp dụng mức chi quy định về chế độ công tác phí.

4. Chi dịch thuật: Áp dụng mức chi dịch thuật theo quy định về chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo

quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

5. Chi giải khát giữa giờ: Áp dụng mức chi quy định về chế độ chi hội nghị.

6. Các khoản chi phí thanh toán trên cơ sở hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh: chi in ấn, photo tài liệu.

Tiểu mục 2. QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI HỌC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ, CƠ QUAN CỬ ĐI ĐÀO TẠO

Điều 15. Quyền lợi và nghĩa vụ của người học

1. Quyền lợi của người học

a) Được về nước thực tập, thu thập tài liệu để phục vụ chương trình học tập, được hưởng các kỳ nghỉ trong thời gian học tập, nghiên cứu theo quy định của cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài; được về nước, đi thăm thân nhân ở nước khác (nước thứ ba) nếu được cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại đồng ý;

b) Được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài bảo hộ về lãnh sự, bảo vệ quyền lợi chính đáng trong thời gian học tập, nghiên cứu ở nước ngoài theo quy định;

c) Được hưởng chính sách quy định tại Nghị quyết này.

2. Nghĩa vụ của người học

a) Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật Việt Nam, pháp luật và phong tục tập quán của nước sở tại; trong trường hợp vi phạm, tùy tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật của các bên có liên quan;

b) Nghiêm chỉnh chấp hành thực hiện nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục, đào tạo ở nước ngoài và cam kết, quy định của, cơ quan cử đi học; giữ gìn và phát triển quan hệ hữu nghị với các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư nước sở tại;

c) Thực hiện đăng ký công dân Việt Nam ở nước ngoài và cập nhật thông tin vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quy định hiện hành;

d) Không được tự ý bỏ học; đảm bảo thời gian học tập theo trình độ đào tạo, ngành học nước đi học và cơ sở giáo dục, đào tạo theo quyết định cử đi học tập, nghiên cứu của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Thông báo cho cơ quan cử đi học tập trước 10 ngày làm việc trước khi về nước thực tập, thu thập tài liệu; Gửi báo cáo tiến độ học tập, nghiên cứu và bản sao kết quả học tập có xác nhận của cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài qua đường bưu điện hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến cho cơ quan cử đi học sau mỗi kỳ học, năm học;

e) Bảo vệ các tài liệu, thông tin có bí mật nhà nước theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước;

g) Không lợi dụng việc học tập hay bất kỳ hình thức nào khác để thực hiện các hoạt động tuyên truyền chống phá nhà nước Việt Nam, làm ảnh hưởng đến quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và nước đối tác.

Điều 16. Bồi hoàn kinh phí hỗ trợ

1. Quy định bồi hoàn

a) Người được hưởng chính sách phải đền bù kinh phí được hỗ trợ khi không thực hiện cam kết trở về nước làm việc ít nhất 84 tháng đối với đào tạo trình độ đại học trở lên, 48 tháng đối với các trường hợp còn lại sau khi hoàn thành chương trình học tập, nghiên cứu;

b) Người học buộc phải đền bù kinh phí đã được hỗ trợ nếu không tốt nghiệp theo đúng thời gian học tập, nghiên cứu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định cử đi đào tạo hoặc thuộc một trong các trường hợp: Tự ý bỏ học trong thời gian đào tạo; không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp;

c) Trong trường hợp người học phải đền bù kinh phí mà không thực hiện nghĩa vụ đền bù thì cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật;

d) Trường hợp người học không hoàn thành nghĩa vụ học tập, nghiên cứu và làm việc theo cam kết vì lý do bất khả kháng (chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, tai nạn nghiêm trọng ảnh hưởng từ 80% sức khỏe trở lên, bệnh hiểm nghèo) có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan cử người học đi đào tạo xem xét, quyết định miễn đền bù cho người học.

2. Cách tính kinh phí đền bù

Đối với trường hợp thuộc điểm b khoản 1 Điều này, người học phải đền bù 100% số tiền đã được hỗ trợ;

Đối với trường hợp đã hoàn thành chương trình và được cấp văn bằng tốt nghiệp nhưng vi phạm cam kết về thời gian làm việc sau khi hoàn thành chương trình học tập, nghiên cứu quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, số tiền đền bù được tính theo công thức sau:

$$S = (F / T1) \times (T1 - T2)$$

Trong đó:

- S là chi phí bồi hoàn;
- F là khoản học phí được nhà nước hỗ trợ;
- T1 là thời gian làm việc theo cam kết;
- T2 là thời gian đã phục vụ sau đào tạo.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan cử đi đào tạo

1. Cơ quan cử đi đào tạo có trách nhiệm tuyển chọn, cử người học ra nước ngoài học tập, nghiên cứu; tiếp nhận người học về nước theo quy định.

2. Cơ quan quản lý trực tiếp chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan quản lý, hỗ trợ kinh phí cho người học trong quá trình học tập, nghiên cứu tại nước ngoài theo quy định.

3. Thu hồi kinh phí hỗ trợ đối với người học không hoàn thành nghĩa vụ học tập, nghiên cứu theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị quyết này.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo

1. Xác nhận thông tin về cá nhân đề nghị hỗ trợ, chương trình đào tạo, thời gian đào tạo tiêu chuẩn của chương trình học, người hướng dẫn khoa học, đề tài, định hướng nghiên cứu và mức độ phù hợp với danh mục các lĩnh vực, ngành trọng điểm của thành phố.

2. Quản lý tiến độ học tập, nghiên cứu; xác nhận báo cáo định kỳ của cá nhân được hỗ trợ; thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý trực tiếp và cơ quan cử đi học về trường hợp cá nhân được hỗ trợ thay đổi ngành học, đề tài, thay đổi người hướng dẫn, tạm dừng học tập, gia hạn thời gian đào tạo, thôi học, bị buộc thôi học, vi phạm nghiêm trọng học thuật, thu hồi bằng tiến sĩ hoặc phát sinh rủi ro khác ảnh hưởng đến điều kiện hỗ trợ trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông tin liên quan.

3. Phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả nghiên cứu, khả năng ứng dụng phục vụ các lĩnh vực, ngành trọng điểm của thành phố; cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các nội dung xác nhận, báo cáo, đề xuất và tài liệu cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền.

Mục 3. THỈNH GIẢNG TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI

Điều 19. Điều kiện được hưởng chính sách

Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia thỉnh giảng thuộc các lĩnh vực, ngành trọng điểm ở trong nước và nước ngoài.

Điều 20. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ

1. Thỉnh giảng trong nước

a) Chi tiền công thỉnh giảng (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng) tối đa 5.000.000 đồng/người/buổi;

b) Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ: Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên trong nước mà phải đi thuê thì được chi theo mức chi quy định hiện hành tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;

c) Chi dịch thuật: Thực hiện mức chi dịch thuật theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

2. Thỉnh giảng nước ngoài

a) Các chi phí liên quan đến việc tham gia thỉnh giảng phải trả cho cơ sở

nước ngoài mà nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tham gia thỉnh giảng: Thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh nếu có thông báo, hóa đơn của cơ sở nước ngoài hoặc chứng từ hợp pháp của tổ chức, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ký kết hợp đồng thỉnh giảng;

b) Chi phí ăn và tiêu vật, thuê phòng nghỉ, đi lại; mua bảo hiểm y tế; lệ phí thị thực, cấp hộ chiếu; lệ phí sân bay; cước hành lý, tài liệu (áp dụng đối với các đoàn); tiền điện thoại, fax, internet, dịch thuật: Thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

c) Hình thức và nguyên tắc hỗ trợ: Cơ quan, đơn vị được giao kinh phí bồi dưỡng căn cứ quy định có liên quan thực hiện chi trả hoặc hỗ trợ trực tiếp để chi trả các chi phí tại điểm a, b khoản 3 Điều này. Trường hợp viên chức tham gia thỉnh giảng đã được hỗ trợ các chi phí nêu trên từ các tổ chức và các nguồn kinh phí hỗ trợ khác thì chỉ được chi trả đối với các chi phí còn lại.

Chương III

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC PHÍ ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC THEO HỌC CÁC NGÀNH, NGHỀ TRỌNG ĐIỂM, NGÀNH, NGHỀ TIẾP CẬN TRÌNH ĐỘ TIỀN TIẾN CỦA KHU VỰC VÀ THỂ GIỚI

Mục 1. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG HỖ TRỢ

Điều 21. Tiêu chuẩn, điều kiện

Người học thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này và đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị áp dụng biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật; không trong thời gian bị xem xét kỷ luật đối với trường hợp đào tạo lại.

2. Có đủ sức khỏe, năng lực học tập.

3. Được cơ sở giáo dục thuộc thành phố Đồng Nai, nơi người học đang học tập hoặc nơi công tác trực tiếp đồng ý cử đi học tập.

4. Cam kết hoàn thành chương trình đào tạo và công tác trong các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thể giới của thành phố; nếu không hoàn thành chương trình hoặc tự bỏ học, bị buộc thôi học hoặc sau khi tốt nghiệp không công tác theo cam kết, không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người được hưởng chính sách phải bồi hoàn kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 22. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 100% học phí học chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề trọng điểm, nhưng tối đa không vượt quá mức trần học phí được quy định đối với các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi

thường xuyên theo quy định của Chính phủ đối với từng nhóm ngành, nghề;

b) Hỗ trợ 100% học phí học chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới, nhưng tối đa không vượt quá 02 lần mức trần học phí được quy định đối với các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định của Chính phủ đối với từng nhóm ngành, nghề.

2. Thời gian hỗ trợ

- a) Không quá 20 tháng đối với chương trình đào tạo trình độ trung cấp;
- b) Không quá 30 tháng đối với chương trình đào tạo trình độ cao đẳng;
- c) Không quá 10 tháng đối với chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng.

3. Kinh phí hỗ trợ học phí học chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng được thực hiện theo kỳ (mỗi kỳ không quá 05 tháng) và hỗ trợ không quá 10 tháng/năm.

Điều 23. Phương thức hỗ trợ

- 1. Thực hiện chi trả hỗ trợ học phí cho người học vào cuối mỗi kỳ học.
- 2. Chi trả hỗ trợ học phí cho người học thông qua Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú. Trường trung cấp, trường cao đẳng; cơ sở giáo dục, đào tạo tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng có trách nhiệm xác nhận, gửi danh sách người học thuộc đối tượng hỗ trợ gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học đăng ký thường trú để xét duyệt, thực hiện chi trả trực tiếp cho người học theo quy định.

3. Hằng năm, căn cứ mức trần học phí được quy định đối với các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định của Chính phủ; dự kiến số lượng học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương tại địa phương theo học chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề trọng điểm; ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới; số lượng người lao động đào tạo lại, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí thực hiện.

Mục 2. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI HỌC, BỒI HOÀN KINH PHÍ

Điều 24. Quyền lợi của người học

- 1. Được hỗ trợ 100% học phí theo quy định tại Điều 22 Nghị quyết này.
- 2. Được cung cấp đầy đủ thông tin về danh mục ngành, nghề được hỗ trợ; quy trình, thủ tục hồ sơ và thời gian xét duyệt, chi trả kinh phí hỗ trợ một cách công khai, minh bạch.
- 3. Được bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp khác theo quy định của pháp

luật về giáo dục nghề nghiệp và các quy định có liên quan.

Điều 25. Trách nhiệm của người học

1. Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nội quy, quy chế đào tạo của trường trung cấp, trường cao đẳng; cơ sở giáo dục, đào tạo tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nơi người học theo học.

2. Cam kết và thực hiện đầy đủ chương trình đào tạo theo đúng thời gian quy định; đạt chuẩn đầu ra và tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc cao đẳng theo ngành, nghề đã đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ.

3. Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực và kịp thời các hồ sơ, giấy tờ, thông tin cá nhân liên quan đến việc xác nhận đối tượng hưởng hỗ trợ cho trường trung cấp, trường cao đẳng; cơ sở giáo dục, đào tạo tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nơi người học theo học và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú.

Điều 26. Bồi hoàn kinh phí hỗ trợ

1. Đối tượng phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền thực đóng học phí gồm:

a) Người học đã hưởng chính sách không công tác trong các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới trên địa bàn thành phố sau 01 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp;

b) Người học đã hưởng chính sách và công tác trong các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới trên địa bàn thành phố nhưng không đủ thời gian công tác theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Người học được hưởng chính sách đang trong thời gian đào tạo nhưng chuyển sang ngành đào tạo khác không thuộc danh mục các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới, tự thôi học, không hoàn thành chương trình đào tạo hoặc bị kỷ luật buộc thôi học.

2. Đối tượng không phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt gồm:

a) Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp, người học công tác trong các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới và có thời gian công tác tối thiểu gấp ba lần thời gian đào tạo tính từ ngày được tuyển dụng; công tác tối thiểu gấp ba lần thời gian đào tạo tính từ ngày có quyết định tốt nghiệp đối với trường hợp đào tạo lại;

b) Người học sau khi tốt nghiệp đang công tác trong các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới, nhưng chưa đủ thời gian theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động hoặc công ty bố trí công tác ngành, nghề, lĩnh vực khác;

3. Người học nghỉ học tạm thời, bị đình chỉ học tập tạm thời sẽ không được hưởng chính sách hỗ trợ trong thời gian nghỉ học hoặc bị đình chỉ học.

4. Người học dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban (không quá một lần) hoặc dừng học vì lý do khác không do kỷ luật hoặc tự thôi học, được cơ sở đào tạo giáo viên xem xét cho tiếp tục học tập theo quy định, thì tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này nhưng thời gian hưởng không vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo.

Điều 27. Chi phí bồi hoàn và cách tính chi phí bồi hoàn

1. Chi phí bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ cho người học.

2. Người học thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết này phải bồi hoàn toàn bộ kinh phí đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

3. Người học thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết này phải bồi hoàn một phần kinh phí hỗ trợ. Cách tính chi phí bồi hoàn theo công thức sau:

$$S = (F / T1) \times (T1 - T2)$$

Trong đó:

- S là chi phí bồi hoàn;
- F là khoản học phí được nhà nước hỗ trợ;
- T1 là tổng thời gian làm việc trong các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới theo quy định tính bằng số tháng làm tròn;
- T2 là thời gian đã làm việc trong các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới được tính bằng số tháng làm tròn.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ và hoạt động tuyển chọn, đánh giá được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành; nguồn kinh phí của các cơ quan, đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo chương trình, đề án, dự án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện từ nguồn kinh phí quy định trong chương trình, đề án, dự án, kế hoạch đó.

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu quy định tại Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy

định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai

a) Xây dựng kế hoạch, tổ chức quán triệt, tuyên truyền, bố trí nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật;

b) Ban hành quy định hướng dẫn cụ thể các nội dung để tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai để xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp;

c) Ban hành danh mục các ngành, nghề, lĩnh vực trọng điểm; ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới của thành phố (trong đó chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đối với các ngành, nghề trọng điểm là các chương trình đào tạo do các cơ sở giáo dục, đào tạo trong nước xây dựng; đối với các ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới là các chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài được chuyển giao thực hiện tại Việt Nam); thành lập Hội đồng tuyển chọn; hướng dẫn phương thức hỗ trợ, chi trả, theo dõi bồi hoàn.

d) Trường hợp phát sinh thủ tục hành chính, xây dựng và công bố danh mục thủ tục hành chính, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch và thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện;

đ) Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra và trách nhiệm giải trình khi thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đồng Nai phối hợp trong công tác tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa....., kỳ họp thứ..... thông qua ngày.... tháng....năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Đồng Nai;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng TU;
- Các Ban HĐND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND; VP UBND thành phố;

CHỦ TỊCH

- Các sở, ban, ngành thành phố;
- TT HĐND, UBND phường, xã;
- Công báo thành phố, Cổng GTĐT thành phố;
- Lưu: VT,...